

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04-02-2020

“Tranh chấp về ly hôn và
yêu cầu nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Thật

Bà Vũ Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:
Ông Danh Vũ Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 279/2019/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 11, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng N, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 11, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 28/10/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Lê Thị T trình bày:

Tôi và chồng tôi có tìm hiểu nhau trước được 02 - 03 năm nên đến năm 2010, chúng tôi được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, hôn nhân tự nguyện và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được 03 năm thì vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng tôi không lo làm ăn mà còn gây nợ, buộc tôi phải trả nợ nên tôi có khuyên nhưng chồng tôi không nghe còn nhiều lần đánh tôi và tôi đều tha thứ để vợ chồng hàn gắn nhưng chồng tôi không sửa đổi. Từ đó, vợ chồng thường cãi vã và chúng tôi đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay, xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa,

vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng tôi là Nguyễn Hồng Nh.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng L- sinh ngày 05/11/2010, hiện con đang sống cùng với tôi nên tôi yêu cầu được tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Chị Lê Thị T xin được ly hôn với Anh Nguyễn Hồng N; về con chung, chị xin được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Nguyễn Hồng N đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh N không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận cho Chị Lê Thị T được ly hôn với Anh Nguyễn Hồng N; Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng L- sinh ngày 05/11/2010 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên Chị Lê Thị T khởi kiện xin ly hôn với Anh Nguyễn Hồng N được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Anh Nguyễn Hồng N với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và Anh Nguyễn Hồng N xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và

có đăng ký kết hôn tại xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 187/2010, ngày 28/12/2010, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của Chị Lê Thị T xin ly hôn với Anh Nguyễn Hồng N vì lý do anh N không lo làm ăn mà còn gây nợ, buộc chị phải trả nợ nên chị có khuyến nhưng anh N không nghe còn nhiều lần đánh chị và chị đều tha thứ để vợ chồng hàn gắn nhưng anh N không sửa đổi. Từ đó, vợ chồng thường cãi vã và anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Do thời gian mâu thuẫn kéo dài nhiều năm và ngày càng gay gắt làm cho cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc. Đối với Anh Nguyễn Hồng N, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành mở phiên họp vào ngày 16/12/2019 và ngày 31/12/2019 để tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh N không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Hơn nữa, anh N cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị T cho Tòa án.

Tại phiên tòa, chị T tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn và cho rằng bản thân không còn tình cảm yêu thương dành cho anh N vì thời gian vợ chồng ly thân đã nhiều năm, suốt quãng thời gian đó, anh chị cũng không liên lạc gì với nhau. HĐXX thấy rằng, trước khi cưới nhau anh chị đã có thời gian tìm hiểu về nhau nhưng khi về sống chung mới bộc lộ cá tính của nhau nên khi xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến tranh chấp kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị T xác định, chị và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng L- sinh ngày 05/11/2010, hiện nay cháu L đang sống cùng với chị T nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ kiện, anh N không có ý kiến và yêu cầu gì đối với yêu cầu được nuôi con chung của chị T.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T, HĐXX thấy rằng, từ khi ly thân đến nay do một mình chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu L cũng được phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Đồng thời, cháu L cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với chị T. Vì vậy, cần giao con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Nguyễn Hồng N có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Khi cần thiết, anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung và cũng không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000 đồng Chị Lê Thị T phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Chị Lê Thị T được ly hôn với Anh Nguyễn Hồng N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng L - sinh ngày 05/11/2010 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005786, ngày 01/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, Chị Lê Thị T đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 04/02/2020. Anh Nguyễn Hồng N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Hoài Thanh